TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2018/HS-ST
Ngày 27-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Dương Quốc Phòng

+ Ông Nguyễn Văn Cao

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Việt- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại Nhà văn hoá Thôn 4, xã Lý Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2018/HSST ngày 05/11/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/HSST-QĐ ngày 13/11/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S; Tên gọi khác: X ; Giới tính: Nam; Sinh ngày 13 tháng 5 năm 1992 tại huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn Z, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không ; Con ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974. Anh chị em ruột: Có 02 người, S là con đầu trong gia đình; Vợ: Hoàng Thị H, sinh năm 1996; Con: 01 đứa sinh năm 2016. Tiền sự: Không.

Tiền án: 02 tiền án. Bản án số: 07/2016/HSST ngày 11/03/2016 của TAND huyện Bố Trạch xử phạt Nguy ễn Văn S 07 tháng tù cho h ưởng án treo thời gian thử thách 14 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/03/2016, về tội : "Trộm cắp tài sản" ; Bản án số: 49/2016/HSST ngày 05/8/2016 của TAND huyện Bố xử phạt Nguyễn Văn S 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và Áp dụng Điều 51, khoản 5 Điều 60 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 tổng hợp với 07 tháng tù theo Bản án số: 07/2016/HSST ngày 11/03/2016 của TAND huyện Bố Trạch buộc Nguyễn Văn S chấp hành hình phạt chung là 16 tháng tù. Bị cáo thi hành án tại trại giam Đồng Sơn đến ngày 17/6/2017 ra trại.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bố Trạch từ ngày 27/9/2018 cho đến nay. *Có mặt*

** Người bị hại:*

- Bà Hồ Thị Q, sinh năm: 1960; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. *Vắng mặt*

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Lê Quý S, sinh năm: 1973; Địa chỉ: TDP S, TT. H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. *Vắng mặt*

2. Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 25/4/2018, Nguyễn Văn S, sinh ngày 13/5/1992, đi mô tô nhãn hiệu dream không rõ BKS đến xã Đ, huyện B để tìm việc làm. Khi đi qua nhà bà Hồ Thị Q thấy không có ai ở nhà nên S nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. S dừng xe mô tô ngoài cổng sau đó lén lút đi vào trong nhà qua cửa phụ không khoá rồi lấy trộm 01 bình điện (bình ắc quy) màu trắng, nắp xanh, hiệu GS loại 12 V, 100AH của bà Q đem đến bán cho Lê Quý S, sinh năm 1973, trú tại TDP H, TT. H lấy 400.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 32/KL-HĐĐGTS ngày 04/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bố Trạch kết luận: 01 bình điện (bình ắc quy) màu trắng, nắp xanh, hiệu GS loại 12 V, 100AH trị giá 2.410.000 đồng *(Hai triệu bốn trăm mười nghìn đồng)*. (BL 22, 25, 27, 31, 33, 41)

Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ 01 bình điện (bình ắc quy) màu trắng, nắp xanh, hiệu GS loại 12 V, 100AH tại Lê Quý S, đã xử lý trả lại cho bị hại Hồ Thị Q (BL 14, 20).

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Hồ Thị Q đã nhận lại tài sản, hiện không có yêu cầu gì thêm; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Quý S không yêu cầu Nguyễn Văn Sang bồi thường trách nhiệm dân sự. (BL 29, 31).

Cáo trạng số: 56/THQCT-KSĐT ngày 05/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch truy tố Nguyễn Văn S về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2, Điều 173 BLHS năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt mức án từ 24 tháng tù 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/9/2018; miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo và tuyên buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T khai nhận xe mô tô nhãn hiệu Dream mà bị cáo S sử dụng vào ngày thực hiện

hành vi trộm cắp tài sản do bà mua lại của một người không rõ địa chỉ và xe không có giấy tờ và hiện tại đã bán lại cho một người khác cũng không rõ địa chỉ, việc Sang sử dụng xe để đi thực hiện hành vi phạm tội bà T không biết. Ngoài ra bà không khai nhận gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội của mình đã gây ra là vi phạm pháp luật, nên rất ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét để được hưởng chính sách khoan hồng của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Phiên toà vắng mặt người bị hại và một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, sự vắng mặt của họ không gây ảnh hưởng đến việc xác định tội danh và quyết định hình phạt đối với bị cáo, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ quá trình thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, tang vật vụ án được thu giữ cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, HĐXX có đủ cơ sở xác định: Do động cơ hám lợi và ý thức coi thường pháp luật, Khoảng 11 giờ ngày 25/4/2018, khi đi qua nhà bà Hồ Thị Q ở thôn, xã Đ, huyện B thấy không có ai ở nhà nên S nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. S dừng xe mô tô ngoài cổng sau đó lén lút đi vào trong nhà qua cửa phụ không khoá rồi lấy trộm 01 bình điện (bình ắc quy) màu trắng, nắp xanh, hiệu GS loại 12 V, 100AH của bà Q và đem bán cho Lê Quý S lấy 400.000 đồng tiêu xài cá nhân. Mặt khác, tại thời điểm phạm tội, Nguyễn Văn S đang còn 02 tiền án chưa được xoá án tích. Cụ thể: Bản án số: 07/2016/HSST, ngày 11/03/2016 bị TAND huyện Bố Trạch xử phạt bị cáo 07 tháng tù cho h ưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng về tội "Trộm cắp tài sản"; Bản án số: 49/2016/HSST, ngày 05/8/2016 bị TAND huyện Bố Trạch xử phạt 09 tháng tù cũng về tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết tăng nặng là "tái phạm".

Với nhân thân và hành vi phạm tội như trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b khoản 2

Điều 53 BLHS năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ và gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo:

Bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và am hiểu xã hội, pháp luật nhất định, đã từng 02 lần bị kết án nhưng vẫn xem thường pháp luật mà tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nhằm chiếm đoạt tài sản người khác đem bán để tiêu xài vào mục đích cá nhân. Do đó, cần phải áp dụng mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian mới có đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo đã có thái độ thành khẩn trong khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, được bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo phạm tội gây thiệt hại về tài sản không lớn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 thì "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đến 50.000.000 đồng"*. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp cho nên Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự: Tang vật vụ án đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ và trả lại cho người bị hại, người bị hại không có yêu cầu gì thêm; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường nên HĐXX không xem xét.

[8] Liên quan đến vụ án còn có Lê Quý S là người đã mua bình ắc quy do bị cáo trộm cắp đem bán, nhưng anh Sơn không biết tài sản đã mua có nguồn gốc do bị cáo phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm, nhưng cần nhắc nhở rút kinh nghiệm trong quá trình mua bán các tài sản không rõ nguồn gốc.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g Khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt: Nguyễn Văn S 24 *(Hai mươi bốn)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/9/2018.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn S với thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/11/2018) để đảm bảo thi hành án theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối đối với bị cáo.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn trên kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QB;
- VKSND tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh QB;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- CA huyện Bố Trạch;
- UBND xã Trung Trạch, Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Bị cáo; Người bị hại, NCQLNVLQ;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Trần Trung Thành